

Số: 153/2019/QĐST-HNGĐ

T, ngày 13 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị C, sinh năm 1980.

Thường trú: Tổ N, ấp X, xã L, huyện B, tỉnh D.

Tạm trú: 1012 đường L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đỗ Viết Canh, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 617 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh D cấp ngày 18/02/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị C và ông Đỗ Viết C là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông C cùng trình bày ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2005, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Theo bà C, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng. Ông C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà C chỉ muốn làm theo ý mình, muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì thì làm không ai khuyên bảo được. Tòa án xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến hai bên không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà C và ông C là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Đỗ Lê Phượng T - sinh ngày 03/5/2009, Đỗ Nam P - sinh ngày 13/12/2010 và Đỗ Lưu Uyên, sinh ngày 01/10/2012. Ly hôn, bà C và ông C cùng thỏa thuận: Ông C trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung chưa thành niên tên Phượng T, Nam P và Lưu U. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà C do ông C không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị C và ông Đỗ Viết C cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị C và ông Đỗ Viết C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đỗ Viết C trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Đỗ Lê Phụng T - sinh ngày 03/5/2009, Đỗ Nam P - sinh ngày 13/12/2010 và Đỗ Lưu U - sinh ngày 01/10/2012. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà C do ông C không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị C và ông Đỗ Viết C chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà C, ông C đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037812 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh D;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hoàng Mai